

### 37. Như bần đắc bảo (如貧得寶: Như kẻ nghèo được của báu)

Trong phẩm trước, đức Phật nói đến những điều ác khổ để chiết phục chúng sanh, khuyên răn chúng sanh bỏ ác; trong phẩm này, đức Phật nói đến những nhân quả lành để nhiếp thọ chúng sanh, khuyên lòng họ tinh tấn đi theo đường lành, dứt bỏ ác hạnh nhằm “*nhỏ dứt cái khổ sanh tử*”, “*đạt sự an vui vô vi*”.

#### **Chánh kinh:**

汝等廣植德本，勿犯道禁。忍辱精進，慈心專一。齋戒清淨，一日一夜，勝在無量壽國為善百歲。所以者何？彼佛國土，皆積德眾善，無毫髮之惡。於此修善，十日十夜，勝於他方諸佛國中，為善千歲。所以者何？他方佛國，福德自然，無造惡之地。唯此世間，善少惡多，飲苦食毒，未嘗寧息。

*Nhữ đấng quảng thực đức bản, vật phạm đạo cấm, nhẫn nhục, tinh tấn, từ tâm chuyên nhất, trai giới thanh tịnh, nhất nhật nhất dạ, thắng tại Vô Lượng Thọ quốc vì thiện bách tuế. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ, giai tích đức chúng thiện, vô hào phát chi ác. Ư thử tu thiện, thập nhật thập dạ, thắng u tha phương chư Phật quốc trung, vì thiện thiên tuế. Sở dĩ giả hà? Tha phương Phật quốc, phước đức tự nhiên, vô tạo ác chi địa. Duy thử thế gian, thiện thiểu ác đa, ẩm khổ thực độc, vị thường ninh tức.*

Các ông rộng trồng cội đức, đừng phạm đạo cấm, nhẫn nhục, tinh tấn, từ tâm, chuyên nhất, trai giới thanh tịnh trong một ngày một đêm thì hơn cả làm việc thiện suốt trăm năm nơi cõi Vô Lượng Thọ Phật. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy đều là do các đức, các sự lành tích tụ, không có mảy may điều ác nào. Ở cõi [Sa Bà] này, tu thập thiện trong mười ngày mười đêm hơn hẳn làm việc thiện suốt một ngàn năm nơi các cõi Phật phương khác. Vì có sao vậy? Các cõi Phật phương khác phước đức tự nhiên, không có chỗ để tạo ác. Chỉ có thế gian này thiện ít, ác nhiều, uống khổ, ăn độc, chưa hề yên nghỉ.

#### **Giải:**

“*Quảng thực đức bốn*” (Rộng trồng cội đức): Theo Hội Sớ, chữ “*đức bốn*” có hai nghĩa:

1. Lục Độ là gốc của hết thầy công đức nên gọi là “*đức bốn*”.
2. Tuyên trách bốn nguyện của Phật Di Đà gộp thành quả đức sáu chữ hồng danh, đầy đủ vạn đức; đây chính là gốc của mọi đức nên gọi là “*đức bản*”.

“*Thực*” (植) là vun bồi, bồi dưỡng. Ngài Vọng Tây giảng “*đạo cảm*” là: “*Vì Phật đạo cảm ngăn các ác nên gọi là đạo cảm*”. Bởi thế, “*bất phạm đạo cảm*” chính là Giới Độ trong Lục Độ. “*Nhẫn nhục*” là Nhẫn Độ. “*Tinh tấn*” là Tấn Độ.

Chữ “*trai giới*” được ngài Vọng Tây giảng là: “*Trai giới là Bát [Quan] Trai Giới nên mới bảo là một ngày một đêm v.v...*”

“*Thắng tại Vô Lượng Thọ quốc vì thiện bách tuế*” (Hơn cả làm lành suốt trăm năm nơi cõi Vô Lượng Thọ Phật) là như trong pháp hội Văn Thù Sư Lợi Thọ Ký của kinh Bảo Tích có nói: “*Nhược hữu chúng sanh u bỉ Phật độ, ức bách thiên tuế, tu chư phạm hạnh, bất như u thử Sa Bà thế giới, nhất đàn chỉ khoảnh, u chư chúng sanh khởi từ bi tâm, sở hoạch công đức, thượng đa u bỉ. Hà hướng năng u nhất nhật, nhất dạ, trụ thanh tịnh tâm*” (Nếu có chúng sanh ở trong cõi Phật ấy tu các phạm hạnh suốt cả ức trăm ngàn năm vẫn chẳng bằng ở trong thế giới Sa Bà này, chỉ trong khoảng thời gian khảy ngón tay khởi tâm từ bi đối với chúng sanh. Công đức người ấy đạt được còn nhiều hơn thế nữa. Hướng hồ là trong một ngày một đêm trụ trong tâm thanh tịnh).

Kinh Tư Ích cũng dạy: “*Nhược nhân u tịnh quốc, trì giới mãn nhất kiếp, thử độ tu du gian, hành từ vi tối thắng*” (Như người ở cõi thanh tịnh trì giới suốt một kiếp; người ở cõi này thực hành lòng Từ trong khoảnh khắc vẫn là tối thắng).

Kinh còn dạy: “*Ngã kiến Hỷ Lạc quốc, cập kiến An Lạc độ, thử trung vô khổ não, diệc vô khổ não danh. U bỉ tác công đức, vị túc dĩ vi kỳ! U thử phiền não xứ, năng nhẫn bất khả sự, diệc giáo tha thử pháp, kỳ phước vi tối thắng*” (Ta thấy trong những cõi Hỷ Lạc và cõi An Lạc không có khổ não, cũng không có danh từ khổ não. Trong những cõi ấy mà làm các công đức thì chẳng đáng kể là lạ. Ở chốn phiền não này mà nhẫn được sự chẳng thể nhẫn, lại còn dạy người khác pháp này thì phước ấy mới là tối thắng).

Kinh Thiện Sanh cũng nói: “*Di Lạc xuất thời, bách niên thọ giới, bất như ngã độ nhất nhất dạ, hà dĩ cố? Ngã thời chúng sanh cụ ngũ chỉ cố. Thiện nam tử! Thị bát trai giới tức thị trang nghiêm vô thượng Bồ Đề chi lộ dã*” (Lúc Di Lạc Phật xuất thế, thọ giới suốt một trăm năm cũng chẳng bằng [thọ giới] một ngày một đêm trong cõi ta. Vì sao vậy? Trong thời của ta, chúng sanh có đủ cả năm thứ như bản. Nay thiện nam tử! Bát Trai Giới này chính là con đường dẫn tới trang nghiêm vô thượng Bồ Đề).

Tôi trích dẫn nhiều đoạn kinh như trên nhằm chứng minh rằng trong cõi này, ngay trong khoảng “*ẩm khổ, thực độc, vị thường ninh tức*” (uống khổ, ăn độc, chưa từng yên nghỉ) này mà hành nhân lại có thể trai giới thanh tịnh, nhẫn nhục, tinh tấn thì công đức của người ấy vượt xa những người khác trong các cõi Phật phương khác. Trong cõi này, tu hành “*nhất nhật nhất dạ, thắng tại Vô Lượng Thọ quốc vi thiện bách tuế... thập nhật, thập dạ, thắng u tha phương chư Phật quốc trung, vi thiện thiên tuế*” (một ngày một đêm hơn cả làm lành suốt trăm năm trong cõi Vô Lượng Thọ Phật... trong mười ngày mười đêm hơn hẳn làm việc thiện suốt ngàn năm nơi các cõi Phật phương khác). Ngài Vọng Tây bảo “*ẩm khổ, thực độc*” là “*uống nước bát khổ, lại ăn ba độc vị*”. “*Ninh*” (寧) là yên ổn, “*tức*” (息) là thôi dứt.

Trong tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Sao, ngài Vọng Tây viết:

“*Hỏi: Nếu tu hành tại uế độ là thù thắng thì cứ tu trong cõi này, sao lại nguyện sanh về Tịnh Độ?*”

*Đáp: Như sách Yếu Tập viết: ‘Kinh này chỉ nói về sự tu hành khó hay dễ, chứ chẳng giảng về thiện căn là thù thắng hay hèn kém. Ví như kẻ nghèo hèn thí được một tiền tuy đáng khen là hay, nhưng chẳng bao biện được các việc. Kẻ phú quý bỏ ra ngàn vàng tuy chẳng đáng gọi là hay, nhưng lại có thể hoàn tất muôn sự. Việc tu hành trong hai cõi cũng giống như thế’. Nếu muốn mau chóng hoàn thành các việc thành Phật, lợi sanh thì phải chuyên cầu Tịnh Độ, lẽ nào lưu luyến uế độ, chẳng thể thành tựu nôi Phật đạo’.*

Lại nữa, theo ngài Cảnh Hưng, ở cõi này tu trong một ngày đêm hơn hẳn làm lành cả trăm năm nơi Tây phương là vì “*ở đây tu khó thành*”. Ý nói: Trong cõi này, tấn tu rất khó; do khó làm nổi nên coi là quý. Còn như ở cõi kia thì chóng đắc Vô Thượng Bồ Đề do “*trong cõi kia, không lúc nào chẳng tu; còn cõi này lúc tu thiện lại ít nên [nói như*

vậy] chẳng mâu thuẫn nhau”. Xét ra, thuyết của ngài Cảnh Hưng càng thù thắng hơn nữa.

### **Chánh kinh:**

吾哀汝等，苦心誨喻，授與經法。悉持思之，悉奉行之。尊卑、男女、眷屬、朋友，轉相教語，自相約檢。和順義理，歡樂慈孝。所作如犯，則自悔過。去惡就善，朝聞夕改。奉持經戒，如貧得寶。改往修來，洒心易行。自然感降，所願輒得。

*Ngô ai nhữ đặng, khổ tâm hồi dụ, thọ dữ kinh pháp, tất trì tư chi, tất phụng hành chi. Tôn ty, nam nữ, quyến thuộc, bằng hữu, chuyển tương giáo ngữ. Tự tương ước kiểm, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc, từ hiếu. Sở tác như phạm, tác tự hồi quá, khứ ác, tỵ thiện, triêu văn, tịch cải, phụng trì kinh giới, như bản đắc bảo. Cải vãng tu lai, sát tâm, dịch hạnh, tự nhiên cảm giáng, sở nguyện triếp đắc.*

Ta thương xót các ông, khổ tâm khuyên dụ, trao cho kinh pháp, [các ông] đều phải nên thọ trì, suy nghĩ lấy, đều phải phụng hành. Tôn ty, nam nữ, quyến thuộc, bằng hữu lần lượt dạy bảo nhau. Tự phải ước thúc, gìn giữ cho nhau, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc, từ hiếu. Nếu trót phạm lỗi liền tự hồi lỗi, bỏ ác, hướng về điều lành. Sáng nghe, chiều đổi, phụng trì kinh giới như kẻ nghèo được của báu. Sửa đổi quá khứ, tu hành tương lai, rửa lòng, đổi hạnh; tự nhiên cảm giáng, sở nguyện ắt thỏa.

### **Giải:**

Thế Tôn mấy lượt khuyên lơn, chỉ mong đại chúng phụng trì kinh giới nên trong đoạn này trước hết Phật bảo: “*Thọ dữ kinh pháp*” (Trao cho kinh pháp), khuyên bảo chúng sanh thọ trì, tư duy, phụng hành đúng pháp. Sau đây, Phật lại khuyên “*phụng trì kinh giới như bản đắc bảo*” (tuân phụng kinh giới như kẻ nghèo được của báu).

Sách Hội Sớ giảng câu “*ngô ai nhữ đặng, khổ tâm hồi dụ*” (ta thương xót các ông khổ tâm khuyên dụ) như sau: “*Ngô ai*’ là Như Lai đại từ, ‘*nhữ đặng*’ là căn cơ được đức Phật rửa lòng thương. Năm thời giáo hóa, dạy cho bán giáo, mãn giáo nên bảo là *khổ tâm hồi dụ*”.

Ý nói: Như Lai đại từ thương xót các căn cơ, rất miệng xót lòng khai thị, dạy dỗ. Năm thời thuyết pháp nhằm thích ứng các căn cơ. Giáo pháp có bán (bán tự giáo) hay mãn (mãn tự giáo) nhưng đều là tùy duyên độ thoát nên mới bảo là “*khổ tâm hồi dụ, thọ dữ kinh pháp*”.

Phật lại dạy rằng: Đối với những kinh pháp đã được nghe như thế, đều phải nên “*trì tu*” (thọ trì, suy nghĩ), “*phụng hành*”, “*chuyển tương giáo ngữ*” (lần lượt dạy bảo nhau). “*Phụng*” (奉) là tin kính, “*hành*” (行) là tu hành. Đó là tự lợi. Đối với các thân hữu liên “*chuyển tương giáo ngữ*” chính là lợi tha. “*Nếu chẳng thuyết pháp độ sanh thì chẳng thể báo nỗi Phật ân*”.

Tiếp đó, Phật lại khuyên “*tự tương ước kiểm, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc, từ hiếu*” (tự ước kiểm lẫn nhau, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc, từ hiếu). “*Ước kiểm*” (約檢) cũng giống như ước liễm (約斂: bó buộc, kiểm soát), tức là “*đương tự đoan tâm, đương tự đoan thân*” (nên tự đoan chánh cái tâm, nên tự đoan chánh cái thân). “*Hòa thuận nghĩa lý*” nghĩa là lời lẽ lẫn cử chỉ đều vừa hòa hợp với nghĩa, vừa thuận với lý. Hòa hợp với nghĩa thì cử chỉ thích đáng. Thuận theo lý thì tự nhiên được đúng chừng mực.

“*Hoan*” (歡) là hoan hỷ; phần lớn cuối các kinh có câu “*giai đại hoan hỷ*” (đều hoan hỷ lớn). “*Lạc*” (樂) là an lạc. Thế gian thường bảo “*thương từ hạ hiếu*”, kinh cũng nói: “*Ngã ai nhữ đẳng thậm ư phụ mẫu niệm tử*” (Ta thương xót các ông còn hơn cả cha mẹ nghĩ đến con); đây là đại từ. Chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ ta, thế nguyện cứu độ thì là đại hiếu. Do đại bi nên khiến cho khắp tất cả được thoát khổ. Do đại từ nên khiến cho tất cả được hưởng vui. Ấy chính là đại hạnh của Bồ Tát, mà cũng chính là ý nghĩa thật sự của “*hoan lạc, từ hiếu*”.

Thêm nữa, muốn “*chuyển tương giáo ngữ*” (lần lượt dạy bảo lẫn nhau) thì trước hết phải dùng Tứ Nhiếp để lôi cuốn chúng sanh (Tứ Nhiếp là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự) cho nên “*hoan lạc từ hiếu*” cũng chính là Tứ Nhiếp Pháp.

Từ câu “*sở tác như phạm*” (hễ trót phạm lỗi) cho đến “*sái tâm, dịch hạnh*” (rửa lòng, đổi hạnh) đều khuyên phụng trì kinh giới. Phẩm này mang tên “*như bản đắc bảo*” (như kẻ nghèo được của báu) nên câu “*phụng trì kinh giới như bản đắc bảo*” chính là câu cốt lõi của phẩm này. Đức Thế Tôn tâm Từ đến tột bậc nên ban lời dạy như thế. Kẻ

nghèo được của báu ắt diệt ngay các khổ, bởi đó hoan hỷ, vô ưu. Ở đây, Phật dùng của báu để sánh ví diệu dụng của kinh giới.

Hơn nữa, kẻ nghèo một khi có được của báu thì sẽ coi như tánh mạng của chính mình, sẽ toàn lực gìn giữ, chẳng để mất đi. Ở đây, đức Phật khuyên hành nhân được lãnh thọ kinh giới thì phải tự khéo vâng giữ như bảo vệ đầu, mắt. Nếu lỡ khuyết phạm thì phải mau sám hối, thì chẳng tái phạm!

“*Khử ác, tữu thiện... cải vãng tu lai*” là bỏ những ác hạnh sai trái trong quá khứ, tu thiện nghiệp đúng đắn trong hiện tại. “*Triêu văn, tịch cải*” (sáng nghe chiều đổi) là thuận theo việc thiện, biết lỗi liền sửa đổi. “*Sái tâm*” (洒 心) chính là rửa sạch cấu nhơ trong tâm. “*Dịch hạnh*”: Dịch (易) là biến dịch (thay đổi), nghĩa là dứt ác hướng thiện, bỏ tà theo chánh, hồi Tiểu hướng Đại, bỏ cái hư ngụy, giữ lấy cái chân thật. Được như thế thì “*tự nhiên cảm giáng, sở nguyện triếp đắc*”, nghĩa là: tự nhiên cảm ứng, Phật lực ngầm gia hộ, có nguyện cầu chi đều được viên mãn.

### **Chánh kinh:**

佛所行處，國邑丘聚，靡不蒙化。天下和順，日月清明。風雨以時，災厲不起。國豐民安，兵戈無用。崇德興仁，務修禮讓。國無盜賊，無有冤枉。強不凌弱，各得其所。

*Phật sở hành xứ, quốc ấp khâu tụ, mỹ bất môn hóa. Thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời, tai lệ bất khởi, quốc phong dân an, binh qua vô dụng. Sùng đức, hưng nhân, vụ tu lễ nhượng. Quốc vô đạo tặc, vô hữu oan uổng, cường bất lăng nhược, các đắc kỳ sở.*

Phật đi đến đâu thì mọi người trong các quốc gia, thôn ấp, phường xóm, tụ lạc, không ai chẳng được Ngài giáo hóa. Thiên hạ hòa thuận, mặt trời, mặt trăng sáng tỏ, mưa gió đúng thời, tai ương, tật dịch chẳng khởi, nước giàu, dân yên, vũ khí [trở thành] vô dụng. Đức được tôn sùng, lòng nhân mạnh mẽ, chăm tu lễ nghĩa, nhân nhượng. Nước không trộm cướp, chẳng có oan uổng, mạnh chẳng hiếp yếu, ai nấy đều được yên vui.

## Giải:

Đoạn kinh này nói lên từ đức vô lượng của Phật.

Câu “*Phật sở hành xứ*” chỉ những chỗ Phật đã từng đi đến, mà cũng có nghĩa là những nơi Phật pháp lưu truyền đến.

“*Quốc*” (國) là quốc gia, “*ấp*” (邑) là làng mạc. Chữ “*khâu*” (丘) có hai nghĩa: Sách Hội Sớ bảo là núi gò; sách Châu Lễ bảo: “*Bốn ấp là một khâu*”. Như vậy, “*khâu*” có nghĩa là nơi dân chúng tụ lại sinh sống. “*Tụ*” (聚) có nghĩa là thôn xóm. Ngài Vọng Tây bảo: “*Làng nhỏ gọi là Tụ*”.

“*Quốc ấp khâu tụ*” (Quốc gia, thôn ấp, xóm phường, tụ lạc) bất cứ nơi nào Phật đã đặt chân đến thì không ai là chẳng được nhận lãnh sự giáo hóa của Phật nên bảo là “*my bất mônng hóa*” (không ai chẳng được Ngài giáo hóa). Được nhận lãnh sự giáo hóa của Phật tất nhiên sẽ cảm ứng được những điều tốt lành. Bởi thế, “*thiên hạ hòa thuận*” cho đến “*các đắc kỳ sở*” (ai nấy đều được sống yên). “*Thiên hạ hòa thuận*” là thế giới hòa bình, mọi xứ hòa hiếu với nhau.

“*Nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời*” (Mặt trời, mặt trăng sáng tỏ, mưa gió đúng thời) là mưa hòa gió thuận, không có các thiên tai như hạn hán, lũ lụt, gió bão, mưa đá...

“*Tai lệ bất khởi*”: Tai (災) là tai họa, “*lệ*” (厲) là dịch lệ (bệnh dịch) nghĩa là chẳng những không có các tai vạ: núi lở, động đất, biển trào, đất chìm... các nạn: nước, lửa, đao binh, mà cũng chẳng hề có các thứ ôn dịch lưu hành.

“*Quốc phong dân an*” là quốc gia sung túc, sản xuất dồi dào, nhân dân an lạc.

“*Binh qua vô dụng*”: “*Binh*” (兵) là đao binh, tức là những khí giới có mũi nhọn chế bằng kim loại; “*qua*” (戈) là các loại kích có mũi tù (không nhọn). Chữ “*bình qua*” thường được dùng để chỉ chiến tranh. “*Bình qua vô dụng*” nghĩa là trong nước không có giặc cướp, phản nghịch; ngoài không bị nước khác xâm lấn nên có thể dẹp võ dụng văn, xếp vũ khí không dùng đến nữa.

“*Sùng đức hưng nhân*”: Tôn sùng đạo đức gọi là “*sùng đức*”; phát triển chánh sách nhân từ thì gọi là “*hưng nhân*”.

Sách Hội Sớ giảng chữ “*vụ tu lễ nhượng*” (chăm tu lễ nhượng) là: “*Tôn ty có trật tự là Lễ, nhượng nhin người khác là Nhượng*”. Nhượng (讓) còn nghĩa là nhường bước, đưa cái tốt lành cho người, chẳng giành lấy về mình.

“*Quốc vô đạo tắc*” là nhân dân đều tuân theo lễ phải, vâng giữ pháp luật nên chẳng có trộm cướp.

“*Vô hữu oan uông*” (Chẳng có oan uông) vì kẻ nắm giữ chức vị thì liêm minh công chánh, xét kỹ từng chi tiết nên chẳng phán án lầm.

“*Cường bất lãng nhượng, các đắc kỳ sở*” (Mạnh chẳng hiếp yếu, ai nấy đều được sống yên vui): Ý mạnh hiếp yếu chính là nguồn cội của mọi tai vạ trong thế gian. Nước hùng mạnh cậy vào quân lực hiếp đáp nước nhược tiểu, kẻ giàu cậy vào tiền của để bóc lột người nghèo, kẻ nắm giữ quyền bính thường dựa quyền thế để rúc rĩa nhân dân; còn không thì kẻ mạnh lại kết thành giặc cướp bức hại người lương thiện. Cậy đông hiếp đáp kẻ cô thế, cậy thế khinh người, rúc rĩa máu xương người khác để cốt âm thân, tàn nước hại dân, không còn gì tệ hơn thế nữa. Bởi thế, nguyện “*cường bất lãng nhượng*” (mạnh chẳng hiếp yếu), ai nấy “*các đắc kỳ sở*” (ai nấy đều được sống yên). Đây, kia đều an, kẻ có người không chia sẻ cho nhau, chung sống hòa bình, nguyện thế giới đạt đến đại đồng.

Phật đi đến đâu, chỗ đó đều được hưởng những lợi ích như thế, dù thảy từ lực của Phật khó thể suy nghĩ, khó bàn luận nổi!

### **Chánh kinh:**

我哀汝等，甚於父母念子。我於此世作佛，以善攻惡，拔生死之苦。令獲五德，升無為之安。吾般泥洹，經道漸滅。人民諂偽，復為眾惡。五燒五痛，久後轉劇。汝等轉相教誡，如佛經法，無得犯也。

*Ngã ai như đấng, thậm ư phụ mẫu niệm tử. Ngã ư thử thế tác Phật, dĩ thiện công ác, bạt sanh tử chi khổ, linh hoạch ngũ đức, thăng vô vi chi an. Ngô bát Nê Hoàn, kinh đạo tiệm diệt, nhân dân siểm nguy, phục vi chúng ác. Ngũ thiêu, ngũ thống, cửu hậu chuyển kịch.*



*Nhữ đẳng chuyển tương giáo giới, như Phật kinh pháp, vô đắc phạm dã.*

Ta thương xót các ông còn hơn cha mẹ nghĩ đến con. Ta trong đời này làm Phật, dùng cái thiện công kích cái ác, dẹp tan cái khổ sanh tử, khiến cho [các ông] đạt được năm đức, đạt niềm vui vô vi. [Sau khi] ta bát Nê Hoàn, kinh đạo dần dần diệt mất, nhân dân siểm ngụy lại làm các điều ác. Năm sự đốt, năm sự khổ càng về sau càng nặng thêm lên. Các ông phải lần lượt dạy lẫn nhau [tu hành] đúng theo kinh pháp của Phật, trợn chẳng được sai phạm.

### Giải:

Trong đoạn này, do vì Phật pháp sẽ dần dần diệt mất, Ngũ Thiêu, Ngũ Thống sẽ chuyển thành dữ dội hơn nên Phật lại răn dạy chúng sanh hãy bỏ ác tu thiện, phụng trì kinh pháp.

Câu “*thậm ư phụ mẫu niệm tử*” (còn hơn cha mẹ nghĩ đến con) được sách Hội Sớ giảng như sau: “*Cha mẹ chỉ hạn cuộc trong một đời, còn Phật thì vô lượng kiếp. Cha mẹ chẳng bình đẳng, Phật thường bình đẳng. Cha mẹ chán ghét đũa con bất hiếu, Phật thương xót kẻ ác nghịch. Cha mẹ nuôi dưỡng sắc thân, Phật trưởng dưỡng nội tâm. Vì thế, bảo là ‘thậm ư’ (còn hơn)*”.

Ý nói: Phật dùng lòng đại từ bình đẳng trong vô lượng kiếp nuôi dưỡng huệ mạng của chúng ta, vượt xa khả năng của cha mẹ nên bảo là “*thậm ư phụ mẫu*”.

Chữ “*thử thế*” (đời này) chỉ đời ác ngũ trược. “*Dĩ thiện công ác*” (Dùng cái thiện công kích cái ác): Phật thuyết pháp lành giáo hóa chúng sanh, hàng phục những lỗi ác của họ để tiêu trừ năm điều đau đớn, để diệt năm sự đốt. Chữ “*ác*” chỉ năm sự ác.

“*Ngũ đức*” chính là năm điều thiện. Làm cho chúng sanh hành năm điều thiện, bỏ năm điều ác, quay lưng với trần cảnh để trở về với giác ngộ, nhổ tận gốc cội khổ sanh tử của hữu tình để được sự thường lạc vô vi.

“*Bát Nê Hoàn*” nghĩa là “bát Niết Bàn”, dịch nghĩa là “nhập diệt”, “viên tịch”. Chánh pháp của Phật Thích Ca tồn tại năm trăm năm, Tượng pháp một ngàn năm, Mạt pháp một vạn năm. Khi cả ba thời gian này đã qua thì gọi “*kinh pháp diệt tận*” như trong kinh Pháp Diệt Tận có nói kinh Thủ Lăng Nghiêm diệt mất trước tiên, các kinh khác cũng dần dần diệt mất. Vào lúc đó, “*nhân dân siểm ngụy*”. Siểm (諛) là xu nịnh,

cong queo, “ngụy” (偽) là dối trá. Lòng người dâm tà, giáo quyết, dối trá nên “*phục vi chúng ác*” (lại làm các điều ác). Bởi vậy, sự đau đớn, sự thiêu đốt lại hùng hỷ nên bảo là “*chuyển hậu tương kịch*” (càng về sau càng nặng thêm lên). Nghĩa là: Từ Chánh pháp, Tượng pháp chuyển sang Mạt pháp, sự thiêu đốt và sự đau đớn càng thêm thâm khốc, càng lớn lao, càng dữ dội hơn. Vì thế Phật dạy ngài Di Lặc cùng hết thầy hội chúng phải nên “*chuyển tương giáo giới*” (lần lượt răn dạy nhau) tin nhận, phụng hành kinh pháp của Phật, chẳng được sai phạm!

### **Chánh kinh:**

彌勒菩薩，合掌白言：世人惡苦，如是如是。  
佛皆慈哀，悉度脫之。受佛重誨，不敢違失。

***Di Lặc Bồ Tát hiệp chưởng bạch ngôn: - Thế nhân ác khổ, như thị, như thị. Phật giai từ ai, tất độ thoát chi, thọ Phật trọng hối, bất cảm vi thất.***

**Di Lặc Bồ Tát chấp tay bạch Phật: - Người đời ác khổ đúng là như vậy, đúng là như vậy. Phật đều thương xót họ, độ thoát tất cả. Con vâng lãnh lời răn dạy ân cần của Phật, chẳng dám sai sót.**

### **Giải:**

Di Lặc đại sĩ kính cẩn nhận lãnh lời răn dạy của Phật nên chấp tay kính tạ, khen ngợi Như Lai: Người đời ác khổ thật sâu như thế. Đức Phật lòng từ bi vô lượng, đối với những kẻ hung ác cùng cực như thế dùng lòng đại từ bình đẳng “*tất độ thoát chi*” (đều độ thoát). Di Lặc đại sĩ chính là đương cơ trong hàng Bồ Tát của kinh này nên Ngài hiểu được chỗ bí yếu của bản kinh, liền nói: “*Tất độ thoát chi*”.

Phẩm Quyết Chứng Cực Quả của kinh này có câu: “*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dĩ sanh, nhược đương sanh, giai tất trụ u Chánh Định chi tụ, quyết định chứng u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hoặc là đã sanh về, hoặc là sẽ sanh về thì đều sẽ trụ trong Chánh Định Tụ, quyết định chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Nghĩa là: Người hiện tại phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm thì tương lai sanh về Tây phương, nhưng ngay trong lúc này đã thuộc vào Chánh Định Tụ.

Kinh A Di Đà cũng dạy: “*Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị*

*chư nhân đặng, giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Nếu có kẻ đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi nước của A Di Đà Phật thì những người ấy đều được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác) nghĩa là: Người hiện đang phát nguyện vãng sanh đều đã bất thoái chuyển nơi vô thượng Bồ Đề. Bởi thế, ngài Di Lặc mới thưa là “*tất độ thoát chi*”.

Sách Di Đà Yếu Giải viết: “*Chẳng luận là chí tâm, tán tâm, hữu tâm, vô tâm, hiểu hay chẳng hiểu, chỉ cần danh hiệu của Phật Di Đà, hoặc danh hiệu của sáu phương Phật và tên kinh này một phen thoảng qua tai thì dẫn cho ngàn vạn kiếp sau, rớt ráo sẽ do đấy mà được độ thoát. Giống như nghe tiếng cái trống có bôi thuốc độc thì xa hay gần đều chết cả. Ăn chút kim cương quyết định chẳng tiêu vậy*”. Đây cũng chính là ý chỉ “*tất độ thoát chi*”.

Sau cùng, Di Lặc đại sĩ lại bạch: “*Thọ Phật trọng hối, bất cảm vi thất*” (Vâng lãnh lời dạy ân cần của Phật, chẳng dám sai sót). Ngài đã đại diện cho hết thầy hàm linh trong hiện tại, tương lai mà thưa lời ấy. Vì thế chúng ta ngày nay đều phải như lời Đại Sĩ đã bạch: “*Bất cảm vi thất*” (Chẳng dám sai sót).

Ông Bành Tế Thanh có nói: “*Tịnh Độ là cõi chí thiện. Cầu sanh Tịnh Độ là công phu chí thiện. Chẳng thâm nhập pháp môn Tịnh Độ thì chẳng thể viên mãn nối điều thiện, chẳng thể diệt sạch điều ác*”. Vì vậy, chúng ta đều phải tuân lời Phật răn dạy, tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ.